TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-3-2022
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng

Ông Đặng Công Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thùy A; sinh năm 2000; cư trú tại: đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Thành L; sinh năm 1993; cư trú tại: Séc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thùy A, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Thành L đã tự nguyện kết hôn; được Ủy ban nhân dân phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06-5-2019. Sau đó ông L đi sang Cộng hòa Séc làm ăn và sinh sống. Do ông L không về Việt Nam và vợ chồng

sống xa nhau nên lâu dần không còn tình cảm vợ chồng nữa; nay bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Trần Thành L không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thành L, trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, thì ông Trần Thành L gửi cho Tòa án văn bản ghi ngày 11-02-2022 (đã được hợp pháp hóa lãnh sự bởi Phòng Lãnh sự - Đại sứ quán CHXHCN Việt Nam tại Công hòa Séc), có nội dung thống nhất như bà Lê Thùy A đã trình bày ở trên và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà A; đồng thời đề nghị Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với ông.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thùy A là công dân Việt Nam; có địa chỉ cư trú tại đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Trần Thành L; hiện cư trú tại địa chỉ Séc, nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Trần Thành L, theo đường dịch vụ bưu chính đến địa chỉ của đương sự đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, ông L đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ. Theo đó, ông L xác định là không thể về Việt Nam để tham dự giải quyết việc ly hôn với bà Lê Thùy A; đồng thời đề nghị Tòa án mở phiên tòa để giải quyết yêu cầu ly hôn cho ông và bà A, do đó Tòa án không mở phiên họp hòa giải, theo quy định tại khoản 1 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự và mở phiên tòa xét xử vắng

mặt ông L, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn ông Trần Thành L của bà Lê Thùy A thì thấy, sau khi kết hôn thì vợ chồng mỗi người sống một nơi, vợ chồng không sống gần nhau để yêu thương, chăm sóc cho nhau và cho gia đình, nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay, bà A và ông L đều tự xác định không còn tình cảm vợ chồng đối với nhau nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn ông L của bà A là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thùy A và ông Trần Thành L không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Lê Thùy A phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 464, Điều 469, điểm c khoản 1 Điều 474 , khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thùy A đối với ông Trần Thành L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thùy A được ly hôn với ông Trần Thành L.

2. Về án phí: Bà Lê Thùy A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004845 ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thùy A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trần Thành L không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân phường Đông Vĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Hà Nam